

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12 – 7 - 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Cao Minh Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Q**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: số 2/43 Phạm Ngũ Lão, khóm b, phường a, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh..

- Bị đơn: Ông **Phạm Minh T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: số 2/43 Phạm Ngũ Lão, khóm b, phường a, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ Q trình bày và có yêu cầu như sau:*

Bà và ông Phạm Minh T do quen biết và tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 11/6/2014 tại Ủy ban nhân dân phường a, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc và có 02 người con là Phạm Nguyễn Nhã H, sinh ngày 27/6/2014 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 05/6/2016. Tuy nhiên

từ năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi. Ông bà đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn. Bản thân bà và ông T cũng tự ngồi lại hòa giải với nhau những bất đồng mâu thuẫn trong cuộc sống để lo làm ăn nuôi dạy con nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 8/2022 đến nay ông bà đã sống ly thân. Từ tháng 3 năm 2024 ông T chủ động dọn ra ở riêng.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về con chung: Phạm Nguyễn Nhã H, sinh ngày 27/6/2014 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 05/6/2016 hiện đang do bà chăm sóc nuôi dưỡng nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được quyền nuôi 02 con, yêu cầu ông Phạm Minh T cấp dưỡng mỗi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung hay nợ riêng ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập 05 lần để lấy lời khai, hòa giải, xét xử nhưng ông T đều vắng mặt, ông T cũng không có văn bản phản hồi yêu cầu của nguyên đơn.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Phạm Minh T là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Phạm Minh T có phát sinh mâu thuẫn, theo lời trình bày của bà Q thì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Thiện là mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân 02 năm. Quá trình Tòa án giải quyết, trước khi thụ lý bà Q có yêu cầu thủ tục hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại, Hòa giải viên đã mời ông T 02 lần nhưng ông T không đến. Sau khi vụ việc được thụ lý, Tòa án tiếp tục triệu tập ông T đến Tòa

trình bày ý kiến, tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T đều vắng mặt, điều này thể hiện rằng ông T đã bỏ mặc không quan tâm đến gia đình cũng như yêu cầu ly hôn của bà Q. Qua xác minh chính quyền địa phương nơi ông T, bà Q cư trú được biết quá trình chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn, ông T đã tự chuyển ra ngoài sống riêng như lời trình bày của bà Q là đúng. Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Q và ông Phạm Minh T là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên bà Nguyễn Thị Mỹ Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ Q, giao cháu Phạm Nguyễn Nhã H, sinh ngày 27/6/2014 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 05/6/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Mỹ Q yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nợ chung hay nợ riêng ai nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Nguyễn Thị Mỹ Q có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; ông Phạm Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Q

Cho bà Nguyễn Thị Mỹ Q được ly hôn với ông Phạm Minh T

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Nhã H, sinh ngày 27/6/2014 và Phạm Nguyễn Nhật T, sinh ngày 05/6/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc ông Phạm Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Minh T có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nợ chung hay nợ riêng ai nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Q có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; ông Phạm Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Q được cân trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0003104 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND nơi ĐS cư trú
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang